

NGUYÊN TẮC NASCITURUS TRONG PHÁP LUẬT DÂN SỰ HIỆN ĐẠI: SO SÁNH PHÁP LUẬT VÀ GỢI MỞ CHO BỘ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

VÕ THỊ THU ĐIỂM
ĐỖ THỊ LAN ANH
HỒ BẢO

Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 23/7/2026. Sửa chữa xong 15/8/2026. Duyệt đăng 18/8/2026.

Abstract

The Nasciturus principle originates from Roman law and is regarded as a distinctive legal fiction in civil law. Under this principle, where necessary to protect the lawful rights and interests of an unborn child, the child conceived but not yet born may be treated as if already born. This mechanism enables the protection of the interests of the unborn without altering the fundamental rule of civil law that an individual's civil legal capacity arises only upon live birth. Drawing on an analysis of the theoretical foundations of the Nasciturus principle and a comparative examination of selected legal systems, this article proposes directions for improving Vietnam's Civil Code by expanding the scope of protection afforded to the rights and interests of unborn children, particularly in legal relations involving gifts and compensation for damage.

Keywords: Civil Code; conditional legal capacity; inheritance; Nasciturus; unborn child.

1. Đặt vấn đề

Theo nguyên tắc chung của pháp luật dân sự, một cá nhân chỉ chính thức được công nhận năng lực pháp luật từ thời điểm cất tiếng khóc chào đời cho đến lúc mất đi. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy cách tiếp cận này chưa thể giải quyết đầy đủ những trường hợp mà quyền và lợi ích hợp pháp của người đã thành thai đã phát sinh trước khi sinh. Điển hình là quyền liên quan đến thừa kế, nhận tài sản tặng cho hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại khi thai nhi bị xâm phạm trong thời kỳ mang thai. Những tình huống này đặt ra yêu cầu phải có một cơ chế pháp lý phù hợp nhằm bảo vệ lợi ích của người đã thành thai. Đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc về thời điểm phát sinh năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.

Nếu thừa nhận đầy đủ tư cách chủ thể của thai nhi, pháp luật có nguy cơ làm suy giảm nguyên tắc về thời điểm phát sinh năng lực pháp luật dân sự, đồng thời phát sinh những xung đột với quyền và lợi ích hợp pháp của người mẹ. Ngược lại, nếu hoàn toàn không ghi nhận sự tồn tại của các lợi ích này thì quyền và lợi ích chính đáng của người đã thành thai sẽ không được bảo đảm.

Người đã thành thai không thể được xem là một đối tượng của quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, ở thời điểm trước khi sinh, họ cũng chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận là một chủ thể có năng lực pháp luật dân sự độc lập. Dưới góc độ y sinh học, thai nhi tuy vẫn phụ thuộc vào cơ thể người mẹ nhưng đã hình thành một quá trình phát triển riêng và có những lợi ích về sức khỏe cần được bảo vệ. Dưới góc độ pháp lý, người đã thành thai chưa có khả năng tự mình xác lập hoặc thực hiện giao dịch dân sự, cũng không thể tự mình thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý. Nếu pháp luật thừa nhận đầy đủ tư cách chủ thể của người đã thành thai, điều này có thể làm ảnh hưởng đến nguyên tắc về thời điểm phát sinh năng lực pháp luật dân sự và làm phát sinh những xung đột với quyền và lợi ích hợp pháp của người mẹ. Ngược lại, nếu hoàn toàn không ghi nhận sự tồn tại của các quyền và lợi ích của người đã thành thai thì nhiều lợi ích chính đáng của họ sẽ không được bảo vệ. Đây cũng chính là cơ sở lý luận cho sự hình thành của nguyên tắc Nasciturus - một cơ chế giả định pháp lý nhằm dung hòa

Email: diemvtt@dhu.edu.vn.

giữa yêu cầu bảo vệ người đã thành thai và việc duy trì các nguyên tắc nền tảng của pháp luật dân sự (Ten Haaf, L., 2017).

Xuất phát từ châm ngôn của luật La Mã "*Nasciturus pro iam nato habetur, quotiens de commodis eius agitur*" (người đã thành thai được coi như đã sinh ra khi điều đó mang lại lợi ích cho họ), nguyên tắc này cho phép pháp luật giả định người đã thành thai là người đã sinh trong phạm vi cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Đây chỉ là một giả định pháp lý có điều kiện, không đồng nghĩa với việc người đã thành thai được công nhận là chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự. Việc bảo vệ chỉ được đặt ra đối với những lợi ích có lợi cho người đã thành thai và chỉ phát sinh hiệu lực khi người đó được sinh ra và còn sống (Moosa, N., 2016).

Tại Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã bước đầu tiếp thu nguyên tắc *Nasciturus* thông qua các quy định về thừa kế, tiêu biểu tại Điều 613 và Điều 660. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của nguyên tắc này hiện vẫn chủ yếu giới hạn trong quan hệ thừa kế nhằm bảo đảm quyền hưởng di sản của người đã thành thai. Trong khi đó, nhiều quan hệ dân sự khác có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người đã thành thai vẫn chưa được điều chỉnh một cách đầy đủ. Chẳng hạn, Bộ luật Dân sự chưa có quy định rõ ràng về việc người đã thành thai được nhận tài sản tặng cho, cơ chế quản lý tài sản vì lợi ích của người đã thành thai trước khi sinh, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với những tổn hại xảy ra trong thời kỳ mang thai hoặc việc xác định quyền của trẻ được sinh ra từ kỹ thuật hỗ trợ sinh sản sau thời điểm mở thừa kế. Những khoảng trống này cho ta thấy phạm vi bảo vệ của nguyên tắc *Nasciturus* trong pháp luật dân sự Việt Nam vẫn còn hạn chế và chưa theo kịp những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn.

Từ thực trạng đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận của nguyên tắc *Nasciturus*, phân tích kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển và đánh giá mức độ tương thích với pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện Bộ luật Dân sự theo hướng mở rộng cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đã thành thai trong các quan hệ dân sự.

Việc xác định địa vị pháp lý của người đã thành thai không chỉ có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện pháp luật dân sự; tạo ra tác động tích cực đối với nhiều lĩnh vực của đời sống pháp lý và xã hội. Trong lĩnh vực đạo đức y sinh, việc pháp luật ghi nhận và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người đã thành thai góp phần định hướng chuẩn mực nghề nghiệp trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt đối với chẩn đoán trước sinh, can thiệp bào thai và kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Việc xây dựng một cơ chế bảo vệ dân sự toàn diện, bao gồm cả cơ chế bồi thường thiệt hại đối với những tổn hại xảy ra trong thời kỳ mang thai sẽ góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ trẻ em ngay từ giai đoạn trước khi sinh. Đồng thời giảm thiểu các hệ quả kinh tế - xã hội phát sinh từ những thiệt hại có thể phòng ngừa được. Qua đó, cơ chế này góp phần tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền con người và bảo đảm tốt hơn các giá trị nhân văn mà pháp luật dân sự hướng tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về nguyên tắc *Nasciturus* và ý nghĩa trong luật dân sự hiện đại

Về bản chất, *Nasciturus* là cơ chế legal fiction (giả định pháp lý). Theo đó, người đã thành thai được pháp luật giả định là đã sinh ra trong phạm vi cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Cơ chế này không nhằm thừa nhận người đã thành thai là chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, mà chỉ thiết lập một ngoại lệ có điều kiện đối với nguyên tắc chung về thời điểm phát sinh năng lực pháp luật dân sự của cá nhân (White, A. A., 1952). Do đó, giá trị cốt lõi của nguyên tắc *Nasciturus* không nằm ở việc xác định người đã thành thai có phải là một chủ thể pháp luật hoàn chỉnh hay không, mà ở việc tạo lập cơ sở pháp lý để bảo vệ những lợi ích dân sự có khả năng phát sinh trước thời điểm sinh ra.

Về phương diện lý luận, nguyên tắc *Nasciturus* phản ánh sự phân biệt giữa địa vị chủ thể của quyền và khả năng pháp luật bảo vệ các lợi ích hợp pháp. Người đã thành thai chưa có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để trở thành chủ thể của mọi quan hệ pháp luật, nhưng các lợi ích của họ vẫn có thể được pháp luật bảo lưu có điều kiện. Ten Haaf (2017) cho thấy pháp luật có thể tiếp cận người chưa sinh ra theo hai hướng: chủ thể của quyền và chủ thể của lợi ích; tuy nhiên, mọi sự mở rộng tư cách pháp lý trước sinh

đều phải làm rõ các giả định chính sách làm nền tảng. Moosa (2016) cũng nhấn mạnh rằng việc vận dụng nguyên tắc Nasciturus không nhất thiết đồng nghĩa với thừa nhận đầy đủ tư cách chủ thể trước khi sinh, mà có thể là một kỹ thuật bảo vệ có điều kiện. Cách tiếp cận này giúp cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ lợi ích của người đã thành thai và việc duy trì các nguyên tắc nền tảng của pháp luật dân sự.

Xét dưới góc độ học thuyết giả định pháp lý, Nasciturus được xây dựng nhằm khắc phục khoảng trống phát sinh từ nguyên tắc năng lực pháp luật dân sự chỉ phát sinh kể từ thời điểm cá nhân sinh ra và còn sống. Áp dụng tuyệt đối nguyên tắc này, người đã thành thai không có cơ sở để được bảo vệ đối với các quyền và lợi ích phát sinh trước khi sinh, đặc biệt trong các quan hệ thừa kế, tặng cho hoặc bồi thường thiệt hại. Việc coi người đã thành thai như đã sinh ra trong những trường hợp cần thiết nhằm tạo cơ sở để bảo lưu các quyền và lợi ích đó cho đến khi điều kiện sinh ra và còn sống được đáp ứng. Pháp luật vừa bảo đảm tính thống nhất của nguyên tắc về năng lực pháp luật dân sự, vừa tránh được việc tước bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của người đã thành thai chỉ vì thời điểm sinh ra chưa xảy ra (D'Almaine, J., & Zaal, F. N., 2018).

Thuyết giả định pháp lý cũng có hạn chế. Nasciturus thường được áp dụng theo lối liệt kê, chủ yếu trong thừa kế và tài sản. Khi phát sinh các vấn đề mới như bồi thường thiệt hại trước khi sinh, quyền nhân thân trong y học bào thai hoặc quyền lợi liên quan đến phôi đông lạnh, các hệ thống pháp luật nếu chỉ dựa vào Nasciturus truyền thống sẽ khó xác định được (Romanis, E. C., 2020). Vì vậy, Nasciturus cần được kết hợp với thuyết “chủ thể tiềm năng”: người đã thành thai là thực thể có tính độc lập tương đối, có năng lực pháp luật tiềm năng, được bảo lưu và chỉ hoàn tất khi sinh ra còn sống. Sự khác biệt giữa hai học thuyết này nằm ở tính chủ động và phạm vi bảo vệ. Thuyết giả định pháp lý chủ yếu mang tính thụ động, phục vụ cho việc giải quyết các lợi ích tài sản (thừa kế, di tặng) dựa trên một điều kiện giải trừ. Ngược lại, thuyết chủ thể tiềm năng mang lại một nền tảng triết lý sâu sắc hơn, nhìn nhận người đã thành thai không phải là tài sản hay một phần nội tạng của mẹ, mà là một thực thể đang trong quá trình phát triển (human being in the making). Sự kết hợp này là bước chuyển cần thiết: dùng thuyết giả định pháp lý để bảo đảm sự an toàn của lưu thông tài sản và dùng thuyết chủ thể tiềm năng để làm cơ sở cho việc thiết lập các quyền nhân thân, đặc biệt là quyền yêu cầu bồi thường đối với các tổn hại thân thể trước khi sinh.

Ý nghĩa hiện đại của Nasciturus nằm ở ba điểm. Thứ nhất, nguyên tắc này bảo vệ sự công bằng trong phân phối lợi ích tài sản, nhất là trong thừa kế, di tặng và tặng cho. Thứ hai, nó là nền tảng để phát triển cơ chế quản lý tài sản cho người chưa sinh ra. Thứ ba, nếu được mở rộng hợp lý, Nasciturus có thể trở thành cơ sở để thiết lập quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trước khi sinh.

2.2. Nguyên tắc Nasciturus trong pháp luật một số nước

Trong hệ thống Civil Law, Nasciturus thường được tiếp cận thông qua luật thành văn. Các bộ luật dân sự vẫn giữ nguyên tắc năng lực pháp luật bắt đầu từ khi sinh ra, nhưng đồng thời đặt ra ngoại lệ để bảo vệ người đã thành thai trong các trường hợp có lợi cho nó. Đây là mô hình bảo vệ cá biệt, có ưu điểm là rõ ràng, dễ áp dụng và ít làm xáo trộn nền tảng của luật dân sự.

Pháp luật Đức được xem như ví dụ tiêu biểu về sự phân biệt giữa tư cách chủ thể và lợi ích được bảo vệ. Đoạn 1 Bộ luật Dân sự Đức xác định năng lực pháp luật bắt đầu khi quá trình sinh nở hoàn tất. Về nguyên tắc, người đã thành thai chưa phải là chủ thể pháp luật. Trong lĩnh vực thừa kế, Đoạn 1923 khoản 2 Bộ luật Dân sự Đức quy định người chưa ra đời tại thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai được coi như đã sinh ra trước thời điểm mở thừa kế. Cách quy định thể hiện đúng tinh thần Nasciturus: người đã thành thai được giả định đã hiện hữu, nhưng chỉ nhằm bảo vệ quyền thừa kế và chỉ có hiệu lực cuối cùng nếu đứa trẻ sinh ra còn sống¹.

Pháp luật Pháp ghi nhận nguyên tắc Nasciturus trong cả lĩnh vực thừa kế và tặng cho với điều kiện người đã thành thai phải được sinh ra có khả năng sống. Theo Điều 725 Bộ luật Dân sự Pháp, người

1) Federal Republic of Germany (2026). *German Civil Code (Bürgerliches Gesetzbuch [BGB])* (§§ 1, 1923(2)). https://www.gesetze-im-internet.de/english_bgb/ (truy cập ngày 18/8/2026).

đã thành thai tại thời điểm mở thừa kế được công nhận quyền hưởng di sản nếu sau đó được sinh ra còn sống. Điều 906 cho phép người đã thành thai nhận tài sản thông qua di chúc hoặc tặng cho khi đã tồn tại vào thời điểm phát sinh quan hệ pháp lý tương ứng. Pháp luật Pháp không giới hạn phạm vi áp dụng của Nasciturus trong quan hệ thừa kế mà còn mở rộng sang các giao dịch tặng cho và di tặng nhằm bảo vệ quyền lợi của người đã thành thai².

Pháp luật Nhật Bản lại tiếp cận nguyên tắc Nasciturus theo hướng mở rộng. Điều 886 Bộ luật Dân sự Nhật Bản quy định người đã thành thai được coi như đã sinh ra trong quan hệ thừa kế, với điều kiện người đó được sinh ra còn sống. Đáng chú ý, Điều 721 còn mở rộng áp dụng nguyên tắc này trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khi thừa nhận quyền yêu cầu bồi thường của người đã thành thai. Cách tiếp cận của Nhật Bản cho thấy Nasciturus không chỉ nhằm bảo lưu quyền hưởng di sản mà còn có thể trở thành cơ sở bảo vệ các quyền và lợi ích liên quan đến sức khỏe, thân thể và sự phát triển của cá nhân sau khi sinh ra³.

Nhiều quốc gia theo truyền thống Civil Law cũng ghi nhận xu hướng mở rộng phạm vi áp dụng của nguyên tắc Nasciturus. Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ quy định người đã thành thai có khả năng thụ hưởng các quyền dân sự kể từ thời điểm thụ thai, với điều kiện được sinh ra còn sống⁴. Tương tự, Bộ luật Dân sự Tây Ban Nha coi người đã thành thai như đã sinh ra đối với mọi lợi ích có lợi cho mình, với điều kiện được sinh ra còn sống và tách rời hoàn toàn khỏi cơ thể người mẹ. Những quy định này cho thấy nguyên tắc Nasciturus trong pháp luật hiện đại không chỉ giới hạn trong quan hệ thừa kế mà còn được mở rộng nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người đã thành thai⁵.

Khác với các quốc gia theo truyền thống Civil Law, nguyên tắc Nasciturus trong hệ thống Common Law được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua án lệ. Trong giai đoạn đầu, các tòa án chịu ảnh hưởng của nguyên tắc born alive, theo đó người đã thành thai chưa được xem là một chủ thể pháp lý độc lập trước khi được sinh ra còn sống. Quan điểm này được thể hiện trong vụ án *Dietrich v. Inhabitants of Northampton* (1884), khi Tòa án bác bỏ yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại xảy ra cho người đã thành thai với lập luận rằng thai nhi chỉ là một phần của cơ thể người mẹ (*pars viscerum matris*)⁶.

Tuy nhiên, quan điểm này dần thay đổi thông qua thực tiễn xét xử. Vụ án *Bonbrest v. Kotz* (1946) được xem là bước ngoặt quan trọng khi Tòa án công nhận quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại của một đứa trẻ được sinh ra còn sống nhưng bị tổn hại do sự bất cẩn của bác sĩ trong giai đoạn trước khi sinh. Phán quyết này bác bỏ quan niệm *pars viscerum matris* và dựa trên tiến bộ y học để nhìn nhận thai nhi có khả năng sống độc lập như một thực thể riêng⁷. Tại Úc, *Watt v. Rama*, được Tòa toàn thể của Tòa án Tối cao bang Victoria quyết định năm 1971 và báo cáo năm 1972, thừa nhận người lái xe gây tai nạn cho người mẹ có thể có nghĩa vụ cẩn trọng đối với đứa trẻ chưa sinh; quan hệ nghĩa vụ tiềm tàng trở thành quyền khởi kiện khi trẻ sinh ra còn sống⁸. Vương quốc Anh lựa chọn giải pháp lập pháp bằng *Congenital Disabilities (Civil Liability) Act 1976*, đặc biệt các mục 1 và 2, qua đó xác lập cơ chế khởi kiện của trẻ sinh ra bị khuyết tật do lỗi gây tổn hại trước sinh (Pace, P. J., 1977), đồng thời giới hạn trách nhiệm của người mẹ⁹. Tại Canada, *Dobson (Litigation Guardian of) v. Dobson* (1999) khẳng

2) French Republic. (2026). *Civil Code* (arts. 725, 906), https://www.legifrance.gouv.fr/codes/article_lc/LEGIARTI000006430764 và https://www.legifrance.gouv.fr/codes/article_lc/LEGIARTI000006433644, truy cập ngày 18/8/2026.

3) Japan (1896). *Civil Code, Act No. 89 of 1896* (arts. 721, 886), <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/4275/en>, truy cập ngày 18/8/2026.

4) Kingdom of Spain (1889). *Civil Code* (arts. 29–30), <https://www.boe.es/buscar/act.php?id=BOE-A-1889-4763>, truy cập ngày 18/8/2026.

5) Kingdom of Spain. (1889). *Civil Code* (arts. 29–30), https://www.fedlex.admin.ch/eli/cc/24/233_245_233/en, truy cập ngày 18/8/2026.

6) Swiss Confederation (1907). *Swiss Civil Code of 10 December 1907* (art. 31(2)). <https://law.justia.com/cases/massachusetts/supreme-court/volumes/138/138mass14.html>, truy cập ngày 18/8/2026.

7) United States District Court for the District of Columbia (1946). *Bonbrest v. Kotz*, 65 F. Supp. 138 (D.D.C. 1946), <https://law.justia.com/cases/federal/district-courts/FSupp/65/138/1412076/>, truy cập ngày 18/8/2026.

8) Supreme Court of Victoria (Full Court). (1971). *Watt v. Rama*, [1972] V.R. 353 <https://victorianreports.com.au/judgment/1972-VR-353>, truy cập ngày 18/7/2026.

9) United Kingdom. (1976). *Congenital Disabilities (Civil Liability) Act 1976*, c. 28, §§ 1–2, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1976/28>, truy cập ngày 20/6/2026).

định không nên do tòa án áp đặt một nghĩa vụ cản trở dân sự chung lên phụ nữ mang thai đối với thai nhi hoặc đứa trẻ sinh ra sau đó, vì việc này có thể đưa gần như toàn bộ đời sống của người phụ nữ trong thai kỳ vào sự giám sát của pháp luật và xâm phạm quyền riêng tư, quyền tự chủ thân thể¹⁰.

So sánh hai hệ thống cho thấy Civil Law thường ưu tiên sự chắc chắn của luật thành văn, dùng *Nasciturus* để bảo lưu quyền tài sản. Common Law linh hoạt hơn, nhất là trong việc phát triển trách nhiệm bồi thường đối với tổn hại trước khi sinh, nhưng vẫn phải xác định hợp lý giới hạn về nghĩa vụ cản trở, quan hệ nhân quả và điều kiện trẻ được sinh ra còn sống (Robertson, H. B., Jr., 1978). Dù khác nhau về kỹ thuật, điểm chung là người đã thành thai ngày càng được nhìn nhận như một thực thể có lợi ích riêng; việc bảo vệ lợi ích đó vẫn phải gắn với điều kiện sinh ra còn sống và cân bằng với quyền của người mẹ.

2.3. Thực trạng tiếp nhận nguyên tắc *Nasciturus* trong Bộ luật Dân sự Việt Nam

Bộ luật Dân sự năm 2015 tiếp cận năng lực pháp luật của cá nhân theo mô hình truyền thống. Theo Điều 16 quy định năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự. Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết; quy định này tạo ra nguyên tắc nền và cũng làm phát sinh khoảng trống đối với người đã thành thai, bởi người đã thành thai chưa được xem là cá nhân theo nghĩa đầy đủ.

Trong lĩnh vực thừa kế, Bộ luật Dân sự 2015 tiếp nhận nguyên tắc *Nasciturus* khá rõ. Điều 613 quy định người thừa kế là cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Điều 660 tiếp tục cụ thể hóa cơ chế bảo lưu khi yêu cầu trong lúc phân chia di sản, nếu có người thừa kế cùng hàng đã thành thai nhưng chưa sinh ra thì phải dành lại một phần di sản bằng phần người thừa kế khác được hưởng; nếu người đã thành thai còn sống khi sinh ra thì được hưởng, nếu chết lưu thì những người thừa kế khác được hưởng.

Cơ chế này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền hưởng di sản của người đã thành thai, tránh việc chủ thể này bị mất quyền chỉ vì được sinh ra sau thời điểm mở thừa kế. Quy định về bảo lưu di sản kết hợp với chế định người quản lý di sản góp phần bảo đảm phần di sản được quản lý, bảo toàn cho đến khi xác định người đã thành thai được sinh ra còn sống.

Việc tiếp nhận *Nasciturus* trong Bộ luật Dân sự 2015 vẫn mang tính cá biệt và thụ động. Thứ nhất, Điều 613 yêu cầu người thừa kế phải “đã thành thai trước khi người để lại di sản chết”. Cách diễn đạt này phù hợp thụ thai tự nhiên, nhưng chưa tính đến sự phát triển của kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trong trường hợp tinh trùng hoặc phôi của người đã chết được sử dụng sau thời điểm mở thừa kế, đứa trẻ tuy có quan hệ huyết thống với người để lại di sản nhưng có thể không được công nhận là người thừa kế do không đáp ứng điều kiện đã thành thai trước thời điểm mở thừa kế.

Thứ hai, Bộ luật Dân sự 2015 bảo vệ quyền nhận di tặng của người đã thành thai tương đối đồng bộ với quyền thừa kế thông qua Điều 646, nhưng chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng đối với việc nhận tài sản tặng cho. Do hợp đồng tặng cho đòi hỏi sự chấp thuận của bên được tặng cho, trong khi người đã thành thai chưa thể tự mình xác lập ý chí. Cha mẹ cũng khó đại diện cho người đã thành thai nếu bản thân người đã thành thai chưa được thừa nhận là chủ thể. Hệ quả là các mong muốn lập sổ tiết kiệm, quỹ giáo dục hoặc chuyển quyền sử dụng đất cho người đã thành thai thường không có cơ sở pháp lý trực tiếp.

Thứ ba, pháp luật Việt Nam chưa có cơ chế bồi thường thiệt hại trước khi sinh. Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015 đều được xây dựng trên giả định người bị thiệt hại là cá nhân đã sinh ra. Nếu một người lái xe, cơ sở y tế hoặc chủ thể khác gây tổn hại cho người đã thành thai, pháp luật hiện nay thường nhìn nhận thiệt hại đó như thiệt hại đối với người mẹ. Cách tiếp cận chưa bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích của người đã thành thai, đặc biệt trong trường hợp trẻ sinh ra bị dị tật hoặc suy giảm

10) Supreme Court of Canada. (1999). *Dobson (Litigation Guardian of) v. Dobson*, [1999] 2 S.C.R. 753, 1999 CanLII 698 (SCC), <https://decisions.scc-csc.ca/scc-csc/scc-csc/en/item/1716/index.do>, truy cập ngày 20/8/2026.

chức năng do hành vi xâm phạm xảy ra trước khi sinh, đồng thời cho thấy sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng nguyên tắc Nasciturus.

Thứ tư, Bộ luật Dân sự 2015 chưa có quy phạm tổng quát về địa vị pháp lý có điều kiện của người đã thành thai. Vì thiếu quy phạm nền, việc bảo vệ người đã thành thai phụ thuộc vào các điều luật rải rác. Nếu luật không ghi nhận rõ trong một lĩnh vực cụ thể, tòa án và cơ quan áp dụng pháp luật khó mở rộng bảo vệ. Đây là điểm yếu của mô hình bảo vệ cá biệt.

2.4. Gợi mở hoàn thiện Bộ luật Dân sự Việt Nam

Từ kinh nghiệm so sánh và từ những bất cập của Bộ luật Dân sự 2015, cần chuyển từ mô hình bảo vệ cá biệt sang mô hình bảo vệ tổng quát có điều kiện giải trừ. Pháp luật không nên chỉ bảo vệ người đã thành thai trong thừa kế, mà cần xác lập một nguyên tắc nền: người đã thành thai được suy đoán có năng lực pháp luật dân sự trong các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; năng lực này chỉ phát sinh hiệu lực nếu người đã thành thai sinh ra còn sống và coi như không tồn tại nếu thai chết lưu. Cách tiếp cận này giúp nội luật hóa thuyết chủ thể tiềm năng mà không làm xáo trộn nguyên tắc năng lực pháp luật bắt đầu từ khi sinh ra.

Về kỹ thuật lập pháp, có thể bổ sung khoản 4 vào Điều 16 Bộ luật Dân sự 2015 theo hướng: “*Người đã thành thai được suy đoán là có năng lực pháp luật dân sự trong các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, bao gồm quyền nhân thân, quyền tài sản và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Năng lực pháp luật dân sự này chỉ phát sinh khi người đã thành thai được sinh ra và còn sống*”. Quy phạm này tạo căn cứ chung để bảo vệ người đã thành thai, đồng thời bảo đảm người đã thành thai chỉ hưởng quyền, lợi ích mà không phải gánh chịu nghĩa vụ dân sự. Việc bổ sung quy phạm này không tạo ra sự xung đột với nguyên tắc năng lực pháp luật bắt đầu từ khi sinh ra tại khoản 3 Điều 16. Bởi lẽ, khoản 4 đóng vai trò là một ngoại lệ giả định (giả định pháp lý kết hợp chủ thể tiềm năng), trong đó quyền lực chỉ thực sự được kích hoạt với điều kiện là “sinh ra và còn sống”. Mô hình này tạo ra danh phận pháp lý để các chủ thể khác (cha, mẹ, cơ quan đại diện) có thể thực hiện các biện pháp khẩn cấp bảo vệ khối tài sản hoặc khởi kiện yêu cầu bồi thường dân sự thay cho một chủ thể tương lai.

Đối với thừa kế, cần giữ lại tinh thần của Điều 613 và Điều 660 nhưng mở rộng để xử lý trường hợp kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Pháp luật nên cân nhắc bổ sung trường hợp con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản sau khi cha hoặc mẹ chết, nếu có căn cứ xác định ý chí của người đã chết và quan hệ huyết thống, được bảo vệ quyền thừa kế trong giới hạn hợp lý (Simana, S., 2018). Cùng với đó, cần bảo đảm bình đẳng giữa con sinh ra tự nhiên và con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Đối với tặng cho tài sản, cần bổ sung một điều luật riêng về hợp đồng tặng cho đối với người đã thành thai. Điều luật này có thể ghi nhận người đã thành thai có quyền nhận tài sản được tặng cho; việc đồng ý nhận tài sản do cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện; hợp đồng phải được lập thành văn bản; tài sản được giao cho người được chỉ định quản lý; quyền sở hữu chỉ chuyển giao khi người đã thành thai sinh ra và còn sống. Đây là cách sử dụng điều kiện hoãn lại để bảo đảm an toàn giao dịch và tạo cơ sở cho quản lý tài sản vì lợi ích của người đã thành thai.

Đối với bồi thường thiệt hại trước khi sinh, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Nhật Bản, Anh, Úc và các quốc gia theo truyền thống Common Law để bổ sung một quy định riêng trong Bộ luật Dân sự, chẳng hạn Điều 590a về bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe người đã thành thai. Theo đó, người đã thành thai bị hành vi trái pháp luật của cá nhân hoặc pháp nhân xâm phạm, sau khi sinh ra còn sống, có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời, cần quy định mọi thỏa thuận miễn trừ hoặc hạn chế trách nhiệm bồi thường được xác lập trước khi người bị thiệt hại sinh ra đều vô hiệu, đồng thời bảo đảm sự thống nhất với pháp luật hình sự và pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong việc xử lý các hành vi xâm phạm.

Việc mở rộng cơ chế bồi thường cần đi đôi với việc bảo đảm quyền tự quyết của người phụ nữ. Tại Canada, Dobson (Litigation Guardian of) v. Dobson (1999) bác bỏ việc tòa án thiết lập trách nhiệm ngoài hợp đồng đối với hành vi bất cẩn của người mẹ trong thai kỳ vì những hệ quả đối với quyền riêng

tư và quyền tự chủ¹¹. Tại Vương quốc Anh, mục 1(1) và 1(3) Congenital Disabilities (Civil Liability) Act 1976 nhìn chung đặt trách nhiệm lên chủ thể khác người mẹ (Bowden, C. E., 2022), còn mục 2 chỉ thiết lập ngoại lệ hẹp đối với hành vi lái xe có lỗi của người mẹ trong phạm vi cơ chế bảo hiểm bắt buộc¹². Vì vậy, pháp luật Việt Nam nếu mở rộng quyền yêu cầu bồi thường nên tập trung vào hành vi trái pháp luật của bên thứ ba; mọi ngoại lệ liên quan đến trách nhiệm của người mẹ phải do luật quy định minh thị, có phạm vi hẹp và gắn với cơ chế bảo hiểm, thay vì cho phép suy rộng bằng án lệ (Ginn, D., 2001).

3. Kết luận

Nguyên tắc *Nasciturus* là một cơ chế giả định pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đã thành thai mà không làm thay đổi nguyên tắc năng lực pháp luật dân sự chỉ phát sinh khi cá nhân sinh ra và còn sống. Nghiên cứu so sánh cho thấy nhiều quốc gia đã mở rộng phạm vi áp dụng nguyên tắc này từ thừa kế sang tặng cho và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Đối với Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015 mới chỉ ghi nhận nguyên tắc *Nasciturus* trong quan hệ thừa kế. Vì vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện pháp luật theo hướng mở rộng cơ chế bảo vệ người đã thành thai trong các quan hệ tặng cho, thừa kế có yếu tố hỗ trợ sinh sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể này.

Tài liệu tham khảo

Bowden, C. E. (2022). Is the unequal treatment of maternal and paternal liability under the Congenital Disabilities (Civil Liability) Act 1976 justified? *Medical Law Review*, 30(3), 457–478.

D'Almaine, J., & Zaal, F. N. (2018). Inheritance rights for posthumously procreated children: A growing challenge for the law. *Potchefstroom Electronic Law Journal*, 21, 1-30.

Ginn, D. (2001). A balancing that is beyond the scope of the common law: A discussion of the issues raised by *Dobson v. (Litigation Guardian of) Dobson*. *Queen's Law Journal*, 27(1), 51-92.

Moosa, N. (2016). An argument for foetal protection within a framework of legal abortion in South Africa. *Medicine and Law*, 35, 605-624.

Pace, P. J. (1977). Civil liability for pre-natal injuries. *The Modern Law Review*, 40(2), 141–158.

Robertson, H. B., Jr. (1978). Toward rational boundaries of tort liability for injury to the unborn: Prenatal injuries, preconception injuries and wrongful life. *Duke Law Journal*, 27(6), 1401–1457.

Romanis, E. C. (2020). Challenging the “born alive” threshold: Fetal surgery, artificial wombs, and the English approach to legal personhood. *Medical Law Review*, 28(1), 93–123.

Simana, S. (2018). Creating life after death: Should posthumous reproduction be legally permissible without the deceased's prior consent? *Journal of Law and the Biosciences*, 5(2), 329–354.

Ten Haaf, L. (2017). Unborn and future children as new legal subjects: An evaluation of two subject-oriented approaches-the subject of rights and the subject of interests. *German Law Journal*, 18(5), 1091-1120.

White, A. A. (1952). The right of recovery for prenatal injuries. *Louisiana Law Review*, 12(4), 383-406.

11) Supreme Court of Canada (1999). *Dobson (Litigation Guardian of) v. Dobson*, [1999] 2 S.C.R. 753, 1999 CanLII 698 (SCC), <https://decisions.scc-csc.ca/scc-csc/en/item/1716/index.do>, truy cập ngày 18/8/2026.

12) United Kingdom (1976). *Congenital Disabilities (Civil Liability) Act 1976*, c. 28, §§ 1(1), 1(3), 2, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1976/28>, truy cập ngày 18/8/2026.